

**CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC
TỪ THÁNG 5 NĂM 2024**

1. Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá huỷ vũ khí hoá học có hiệu lực ngày 19/5/2024

Toàn văn Nghị định:
<https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/3/33-nd-cp.signed.pdf>

2. Thông tư số 02/2024/TT-BNNPTNT ngày 27/3/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hiệu lực ngày 20/5/2024

Điều 4 Thông tư này quy định về Danh mục các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn mà người có chức vụ, quyền hạn sau khi thôi giữ chức vụ không được thành lập giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã, cụ thể như sau:

“ Các lĩnh vực người có chức vụ, quyền hạn sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực đó không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã, bao gồm:

1. Lĩnh vực trồng trọt.
2. Lĩnh vực bảo vệ thực vật.
3. Lĩnh vực chăn nuôi.
4. Lĩnh vực thú y.
5. Lĩnh vực thủy lợi
6. Lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.
7. Lĩnh vực lâm nghiệp.
8. Lĩnh vực kiểm lâm.
9. Lĩnh vực thủy sản.

10. Lĩnh vực kiểm ngư.
11. Lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn.
12. Lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường.
13. Chương trình, dự án, đề án thuộc các lĩnh vực được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và khoản 12 Điều này.”

Toàn văn Thông tư:
<https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/4/02-bnnptnt.signed.pdf>

3. Quyết định số 05/2024/QĐ-TTg ngày 26/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quy định cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân có hiệu lực ngày 15/5/2024

Điều 3 Quyết định này quy định nguyên tắc điều chỉnh giá bán điện bình quân, cụ thể như sau:

“ 1. Hằng năm, sau khi kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện năm $N-2$ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, giá bán điện bình quân năm N được xem xét, điều chỉnh theo biến động khách quan thông số đầu vào của tất cả các khâu (phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ hệ thống điện và điều hành - quản lý ngành) và việc phân bổ các khoản chi phí khác chưa được tính vào giá điện.

2. Trong năm, giá bán điện bình quân được xem xét điều chỉnh trên cơ sở cập nhật chi phí khâu phát điện, chi phí mua điện từ các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ theo thông số đầu vào cơ bản trong khâu phát điện và các khoản chi phí khác chưa được tính vào giá điện.

3. Khi giá bán điện bình quân giảm từ 1% trở lên so với giá bán điện bình quân hiện hành thì giá điện được phép điều chỉnh giảm tương ứng.

4. Khi giá bán điện bình quân tăng từ 3% trở lên so với giá bán điện bình quân hiện hành thì giá điện được phép điều chỉnh tăng.

5. Thời gian điều chỉnh giá bán điện bình quân tối thiểu là 03 tháng kể từ lần điều chỉnh giá điện gần nhất.

6. Giá bán điện bình quân được tính toán theo quy định tại Điều 4 Quyết định này. Trường hợp giá bán điện bình quân tính toán nằm ngoài khung giá, chỉ được xem xét điều chỉnh trong phạm vi khung giá do Thủ tướng Chính phủ quy định. Tập đoàn Điện lực Việt Nam được điều chỉnh tăng hoặc giảm giá bán điện

bình quân trong phạm vi khung giá theo cơ chế quy định tại Điều 5 và Điều 6 Quyết định này.

Trường hợp giá bán điện bình quân cần điều chỉnh cao hơn giá bán điện bình quân hiện hành từ 10% trở lên hoặc ảnh hưởng đến tình hình kinh tế vĩ mô, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến. Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Việc điều chỉnh giá bán điện bình quân phải thực hiện công khai, minh bạch.”

Toàn văn Quyết định:
<https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/3/05-qd-ttg.signed.pdf>

4. Thông tư số 03/2024/TT-TTCTP ngày 25/3/2024 của Thanh tra Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Thanh tra có hiệu lực ngày 15/5/2024

Điều 8 Thông tư này quy định tiêu chuẩn xét tặng giấy khen, cụ thể như sau:

“ 1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ tặng Giấy khen cho cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp khi đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt; giữ gìn đoàn kết nội bộ; gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; tích cực tham gia các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện và phát động;

c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ tặng Giấy khen cho tập thể thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp khi đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- b) Nội bộ đoàn kết, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;
- c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;
- d) Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.”

Toàn văn Thông tư:
<https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/4/03-tt-trcp.signed.pdf>

5. Thông tư số 02/2024/TT-TTTP ngày 20/3/2024 của Thanh tra Chính phủ Quy định xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp thanh tra” có hiệu lực ngày 15/5/2024

Điều 4 Thông tư này quy định về đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp thanh tra”, cụ thể như sau:

“ 1. Cá nhân đã và đang công tác trong các cơ quan thanh tra và người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

2. Cá nhân có thành tích trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Thanh tra Việt Nam, gồm:

a) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước;

b) Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo các ban, ngành và đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương;

c) Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

d) Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

đ) Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh, thành ủy thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

e) Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương thuộc Bộ;

g) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương.

3. Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Thanh tra Việt Nam.”

Toàn văn Thông tư: <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/4/02-ttcp.signed.pdf>

6. Thông tư số 04/2024/TT-TTTP ngày 08/4/2024 của Thanh tra Chính phủ Quy định về việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra và ban hành kế hoạch thanh tra có hiệu lực ngày 30/5/2024

Việc xây dựng kế hoạch thanh tra của tỉnh quy định tại Điều 13 Thông tư này, cụ thể như sau:

“ 1. Kế hoạch thanh tra của tỉnh bao gồm các kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở và Thanh tra huyện.

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở, Thanh tra huyện;

b) Định hướng chương trình thanh tra đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn xây dựng kế hoạch thanh tra của Tổng Thanh tra Chính phủ;

c) Yêu cầu công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Yêu cầu công tác quản lý nhà nước và việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của địa phương;

đ) Vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật được đăng tải trên báo chí hoặc dư luận xã hội quan tâm;

e) Căn cứ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra:

a) Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh;

b) Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra huyện có trách nhiệm xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra của cơ quan mình, xin ý kiến Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định và gửi về Thanh tra tỉnh chậm nhất vào ngày 10 tháng 11 hằng năm để tổng hợp.

4. Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra:

Thông tin, tài liệu để xây dựng kế hoạch thanh tra bao gồm các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này và các thông tin, tài liệu do Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở, Thanh tra huyện thu thập cung cấp.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng kế hoạch thanh tra của tỉnh:

a) Trên cơ sở thông tin, tài liệu thu thập được nêu tại khoản 4 Điều này, Thanh tra tỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra của tỉnh;

b) Khi xét thấy cần thiết, Chánh Thanh tra tỉnh lấy ý kiến tham gia hoặc làm việc trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để thống nhất nội dung kế hoạch thanh tra;

c) Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì làm việc với Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra huyện về nội dung dự thảo kế hoạch thanh tra của tỉnh để xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có);

d) Chánh Thanh tra tỉnh tiếp thu các ý kiến tham gia để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra của tỉnh và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

6. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thanh tra bao gồm:

- a) Tờ trình của Chánh Thanh tra tỉnh về việc ban hành kế hoạch thanh tra của tỉnh;
- b) Dự thảo kế hoạch thanh tra của tỉnh;
- c) Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thanh tra của tỉnh;
- d) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo kế hoạch thanh tra (nếu có);
- đ) Các thông tin, tài liệu khác (nếu có).

7. Chánh Thanh tra tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hằng năm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thanh tra của tỉnh chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hằng năm.

8. Kế hoạch thanh tra của tỉnh được gửi về Thanh tra Chính phủ để báo cáo; gửi ngay đến Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ và Thanh tra Bảo hiểm xã hội Việt Nam để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp (nếu có); đồng thời, thông báo đến đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện.”

Toàn văn Thông tư:
<https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/4/04-ttcp.signed.pdf>

7. Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản có hiệu lực ngày 20/5/2024

Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 4 Nghị định này, cụ thể như sau:

“ 1. Đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, hình thức xử phạt chính áp dụng trong lĩnh vực thủy sản là phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung áp dụng trong lĩnh vực thủy sản, bao gồm:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, và g khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng trong lĩnh vực thủy sản như sau:

- a) Buộc thả thủy sản, giống thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng;
- b) Buộc chuyển giao thủy sản thuộc Nhóm I của Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm đã chết cho cơ quan có thẩm quyền;
- c) Buộc thả bổ sung loài thủy sản theo quy định;

d) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng loài thủy sản hoặc giống thủy sản hoặc thức ăn thủy sản hoặc sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, trường hợp không đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi thì buộc tiêu hủy thủy sản hoặc giống thủy sản hoặc thức ăn thủy sản hoặc sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

đ) Buộc chủ tàu cá chi trả kinh phí đưa công dân Việt Nam bị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài bắt giữ, xử lý về nước;

e) Buộc nộp lại giấy chứng nhận, xác nhận, giấy phép, văn bản chấp thuận, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

g) Buộc vây bắt, tiêu diệt loài thủy sản sống bị thoát ra môi trường tự nhiên hoặc thủy sản được cho sinh sản trái phép từ loài thủy sản sống;

h) Buộc thu hồi thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

i) Buộc hủy bỏ kết quả đăng kiểm;

k) Buộc di dời hoặc phá dỡ công trình nuôi trồng thủy sản;

l) Buộc tái xuất tàu cá nhập khẩu, trường hợp không thể tái xuất tàu cá thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng tàu cá hoặc phá dỡ tàu cá hoặc đánh đắm tàu cá;

m) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng tàu cá hoặc phá dỡ tàu cá;

n) Buộc treo Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc cờ quốc tịch theo quy định;

o) Buộc tàu cá nước ngoài (trừ tàu Công ten nơ) vận chuyển thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh vào Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam;

p) Buộc trả lại diện tích đã lấn chiếm;

q) Buộc tái xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu, trường hợp không thể tái xuất thì buộc tiêu hủy.

4. Vi phạm hành chính nhiều lần hoặc tái phạm trong lĩnh vực thủy sản là tình tiết tăng nặng trong xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp được quy định là hành vi vi phạm hành chính trong Nghị định này.”

Toàn văn Nghị định:

<https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/4/38-nd-cp.signed.pdf>

8. Nghị định số 36/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ Quy định Chi tiết xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật có hiệu lực ngày 20/5/2024

Điều kiện xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật được quy định tại Điều 7 Nghị định này, cụ thể như sau:

“ 1. Tác giả có tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật phải trung thành với Tổ quốc, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tác giả là người nước ngoài có tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật, nghiên cứu về Việt Nam đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục tập quán tốt đẹp của Việt Nam.

3. Tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đã được công bố, sử dụng dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát kể từ ngày 02 tháng 9 năm 1945. Thời gian tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật được công bố, sử dụng tối thiểu là 05 năm đối với “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và 03 năm đối với “Giải thưởng Nhà nước” tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” hoặc “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành trung ương;

b) Không có tranh chấp về quyền tác giả kể từ thời điểm được công bố, sử dụng hoặc có tranh chấp nhưng đã được giải quyết bởi cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm nộp hồ sơ xét tặng.

Toàn văn Nghị định:

<https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/4/36-nd-cp.signed.pdf>